

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
& TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động sản kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Dược và Trang thiết bị y tế Việt Mỹ đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (gọi tắt là "Công ty") được thành lập năm 2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/8/2002. Công ty được thành lập bởi 3 cổ đông sáng lập là Công ty TNHH SX-TM Trang thiết bị Y tế Mặt Trời (The Sun Co.), Công ty Dược vật tư y tế Bình Phước (nay là Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Dopharco) và Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sài Gòn (Incommex Saigon) với số vốn điều lệ ban đầu là 15 tỷ đồng.

Tên tiếng Anh của Công ty: American Vietnamese Biotech Inc.

Tên viết tắt: AMVIBIOTECH INC.

Trụ sở chính: Ấp 2, xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 14/08/2009 thì vốn điều lệ của Công ty là 21.000.000.000 đồng (Hai mươi một tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dược phẩm, mua bán trang thiết bị y tế, dụng cụ và hóa chất xét nghiệm y tế; Sản xuất dụng cụ xét nghiệm y tế; Sản xuất, kinh doanh Vacxin, sinh phẩm y tế; Đại lý ký gửi hàng hóa; Kinh doanh địa ốc; Đầu tư tài chính; Chuyên giao công nghệ; Sản xuất kinh doanh xà phòng, gel diệt khuẩn tay, nước súc miệng, nước rửa chén, các hóa chất tẩy rửa phòng vệ sinh. (Công ty không được sản xuất, kinh doanh các hóa chất có tính độc hại mạnh)/.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Bach Mong Ha	Chủ tịch
	Bà Lê Thị Thu Hà	Ủy viên
	Bà Hoàng Oanh	Ủy viên
	Ông Trương Văn Tích	Ủy viên
	Ông Nguyễn Kim Lan	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Bach Mong Ha	Giám đốc
	Ông Huỳnh Văn Giàu	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Bach Mong Ha

Giám đốc

Bình Phước, ngày 13 tháng 03 năm 2010

Số. /2010/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁNVề Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Dược
và Trang thiết bị y tế Việt Mỹ**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Dược và Trang thiết bị y tế Việt Mỹ**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Dược và Trang thiết bị y tế Việt Mỹ (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 04 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Lưu ý người đọc Báo cáo:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty bị âm, chưa có nguồn để bù đắp.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đinh Văn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1147/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.633.592.456	12.150.645.411
(100 = 110+120+130+140+150)				
I- Tiền	110	5.1	1.855.811.058	4.900.938.862
1. Tiền	111		1.455.811.058	2.800.938.862
2. Các khoản tương đương tiền	112		400.000.000	2.100.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.051.534.444	2.467.014.950
1. Phải thu khách hàng	131	5.2	360.371.394	855.240.641
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	1.685.786.056	1.606.773.923
5 Các khoản phải thu khác	135		5.376.994	5.000.386
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	5.399.631.563	4.530.969.007
1. Hàng tồn kho	141		5.399.631.563	4.530.969.007
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		326.615.391	251.722.592
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	60.150.864	77.559.564
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.330.166	50.214.964
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	260.134.361	123.948.064
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.929.040.015	10.999.443.203
(200 = 210+220+240+250+260)				
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		13.691.521.663	10.803.864.851
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	2.965.040.683	3.432.992.371
- Nguyên giá	222		5.176.355.289	5.018.264.879
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.211.314.606)	(1.585.272.508)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	10.726.480.980	7.370.872.480
- Nguyên giá	228		13.530.830.000	9.707.830.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.804.349.020)	(2.336.957.520)
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		237.518.352	195.578.352
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	237.518.352	195.578.352
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200) 270			23.562.632.471	23.150.088.614

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		668.935.112	734.278.520
I- Nợ ngắn hạn	310		664.307.322	730.519.521
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	500.000.000
2. Phải trả người bán	312	5.10	584.138.760	101.148.713
3. Người mua trả tiền trước	313	5.11	113.443.515	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	241.164.755	136.194.654
5. Phải trả người lao động	315		-	190.095.242
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	78.502.088	34.421.017
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(352.941.796)	(231.340.105)
II- Nợ dài hạn	330		4.627.790	3.758.999
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		4.627.790	3.758.999
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		22.893.697.359	22.415.810.094
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	22.893.697.359	22.415.810.094
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		21.000.000.000	21.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.893.697.359	1.415.810.094
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		23.562.632.471	23.150.088.614

Bình Phước, ngày 13 tháng 03 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Võ Thị Cẩm Phương

Phạm Việt Tấn

Bach Mong Ha

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2009	Năm 2008
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	5.623.335.964	5.814.878.763
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		5.623.335.964	5.814.878.763
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	3.582.689.125	3.305.539.787
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		2.040.646.839	2.509.338.976
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	238.861.502	164.255.510
7. Chi phí tài chính	22	5.18	5.000.000	33.658.935
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.000.000	15.000.000
8. Chi phí bán hàng	24	5.19	183.831.962	171.136.577
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.20	1.223.391.449	1.222.303.691
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		867.284.930	1.246.495.283
11. Thu nhập khác	31		-	300.000
12. Chi phí khác	32		-	4
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		-	299.996
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		867.284.930	1.246.795.279
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	75.887.431	148.323.204
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		791.397.499	1.098.472.075
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	377	523

Bình Phước, ngày 13 tháng 03 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Võ Thị Cẩm Phương

Phạm Việt Tấn

Bach Mong Ha

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2009	Năm 2008
			VND	VND
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		5.623.335.964	5.998.915.035
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.110.804.767)	(4.756.102.553)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.978.326.205)	(1.387.112.763)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(5.000.000)	(15.000.000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(18.593.654)	(186.814.226)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		-	873.502.063
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-	(424.634.308)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.510.611.338	102.753.248
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.981.090.410)	(1.278.893.655)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		238.861.502	177.977.319
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.742.228.908)	(1.100.916.336)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	500.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(500.000.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(313.510.234)	(500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(813.510.234)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(3.045.127.804)	(998.163.088)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.900.938.862	5.899.101.950
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		1.855.811.058	4.900.938.862

Bình Phước, ngày 13 tháng 03 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Võ Thị Cẩm Phương

Phạm Việt Tấn

Bach Mong Ha

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SXKD Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (gọi tắt là "Công ty") được thành lập năm 2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/8/2002. Công ty được thành lập bởi 3 cổ đông sáng lập là Công ty TNHH SX-TM Trang thiết bị Y tế Mặt Trời (The Sun Co.), Công ty Dược vật tư y tế Bình Phước (nay là Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Dopharco) và Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sài Gòn (Incommex Saigon) với số vốn điều lệ ban đầu là 15 tỷ đồng.

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 14/08/2009 là 21.000.000.000 đồng. Danh sách các cổ đông bao gồm:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ trụ sở chính hoặc hộ khẩu thường trú	Cổ phần
1.	The Sun Co., Ltd Đại diện: Ông Bach Mong Ha	449 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh 2702 N Berkley St, Orange CA, 92865-USA	567.530
2.	Công ty CP Dược Vật tư Y tế Dopharco Đại diện: Ông Nguyễn Đức Chuyên	Đường Hùng Vương, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Số 271 DT 743 phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	180.000
3.	Công ty Incomex Sài Gòn Đại diện: Ông Nguyễn Kim Lan	Số 27 Cao Thắng, phường 2, quận 3, TP Hồ Chí Minh. Số 552/24 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.	210.000
4.	Bà Hoàng Oanh	Số 2 đường 2, Phước Bình, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	110.000
5.	Ông Nguyễn Tiên Hưng	39, đường số 02, Bình Thới, phường 8, quận 11, TP. Hồ Chí Minh	15.000
6.	Bà Lê Thị Thu Hà	Số 222 C Đội Cấn, quận Ba Đình, TP. Hà Nội	53.000

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/8/2002 và các Đăng ký thay đổi lần 1,2,3,4,5,6 và lần 7, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Kinh doanh dược phẩm, mua bán trang thiết bị y tế, dụng cụ và hóa chất xét nghiệm y tế; Sản xuất dụng cụ xét nghiệm y tế; Sản xuất, kinh doanh Vacxin, sinh phẩm y tế; Đại lý ký gửi hàng hóa; Kinh doanh địa ốc; Đầu tư tài chính; Chuyển giao công nghệ; Sản xuất kinh doanh xà phòng, gel diệt khuẩn tay, nước súc miệng, nước rửa chén, các hóa chất tẩy rửa phòng vệ sinh. (Công ty không được sản xuất, kinh doanh các hóa chất có tính độc hại mạnh)/.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, các quy định hiện hành có liên quan và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2009.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo quy định hiện hành.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>2009</u>
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị văn phòng	05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, giá trị công nghệ sản xuất dược phẩm (đây là các giá trị góp vốn của Công ty Dược Doparco và Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Mặt trời) và giá trị quyền sử dụng đất ở huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Giá trị quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 50 năm. Giá trị công nghệ được khấu hao trong thời gian 20 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản chi phí kiểm định cho sản phẩm mới, chi phí sửa chữa và những chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. .

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	594.802.525	2.347.201.181
Tiền gửi ngân hàng	861.008.533	453.737.681
Các khoản tương đương tiền	400.000.000	2.100.000.000
Tổng	1.855.811.058	4.900.938.862

Khoản tương đương tiền là tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở GD II có kỳ hạn 3 tháng.

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty TNHH Dược phẩm Hồng Lan	41.423.092	250.753.857
DKT INTERNATIONAL, VIETNAM	-	30.000.000
Công ty CP Thương Mại Thiên Vũ	-	529.868.784
TT Chăm Sóc SKSS Tỉnh Bình Phước	-	12.600.000
Công ty TNHH TM DV Vĩnh Lộc	271.980	14.745.500
Công ty TNHH TMDP Dương Minh	36.825.400	-
Côn ty TNHH DP Hoàng Nguyên	18.144.000	-
Công ty Dược phẩm Quận 3	102.838.470	-
Trung tâm CSSKSS Bà Rịa Vũng Tàu	23.152.500	-
Trường Đại Học Luật TP Hồ Chí Minh	10.600.000	-
Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh Bình Phước	28.214.550	-
Phòng Y Tế Công An TP Hồ Chí Minh	16.500.000	-
Phải thu khách hàng khác	82.401.402	17.272.500
Tổng	360.371.394	855.240.641

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty TNHH Trang thiết bị Y Tế Mặt Trời	1.330.815.559	1.501.140.303
Calibiotech Inc	11.381.260	3.881.260
Cục Quản Lý Dược	-	6.000.000
Arista Biologicals	-	15.119.320
Biotech Atlantic	12.741.000	12.741.000
YAN HUI	67.892.040	67.892.040
Shantou Eaton Membran CoLTD	7.316.565	-
YANG JUAN	47.858.004	-
Công ty cổ phần Sài Việt	11.200.000	-
Viện kiểm định Quốc Gia Vắc Xi	143.000.000	-
Ông Nguyễn Hữu Thu	22.575.000	-
Các khoản trả trước khác	31.006.628	-
Tổng	1.685.786.056	1.606.773.923

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	852.059.760	538.234.346
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.781.899.787	2.135.135.793
Thành phẩm	1.763.872.216	1.857.202.868
Hàng hoá	1.799.800	396.000
Tổng	5.399.631.563	4.530.969.007

5.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí dụng cụ điện	-	20.471.151
Chi phí gạch men lát nền	-	57.088.413
Chi phí mua vật tư xây dựng hàng rào	44.970.864	-
Chi phí mua máy Fax, điện thoại	15.180.000	-
Tổng	60.150.864	77.559.564

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác là số tiền tạm ứng của các cán bộ nhân viên Công ty tại thời điểm đầu năm và cuối năm.

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2009	1.582.533.062	2.799.738.046	582.778.057	53.215.714	5.018.264.879
Tăng trong năm	-	124.266.600	-	33.823.810	158.090.410
Mua trong năm	-	124.266.600	-	33.823.810	158.090.410
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2009	1.582.533.062	2.924.004.646	582.778.057	87.039.524	5.176.355.289
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2009	316.506.624	907.033.566	315.751.628	45.980.690	1.585.272.508
Tăng trong năm	158.253.306	392.559.238	71.563.901	3.665.653	626.042.098
Tăng do khấu hao	158.253.306	392.559.238	71.563.901	3.665.653	626.042.098
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2009	474.759.930	1.299.592.804	387.315.529	49.646.343	2.211.314.606
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2009	1.266.026.438	1.892.704.480	267.026.429	7.235.024	3.432.992.371
Tại 31/12/2009	1.107.773.132	1.624.411.842	195.462.528	37.393.181	2.965.040.683

Tổng giá trị Tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 72.478.181 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2009	600.000.000	9.107.830.000	9.707.830.000
Tăng trong năm	3.823.000.000	-	3.823.000.000
Mua trong năm	3.823.000.000		3.823.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2009	4.423.000.000	9.107.830.000	13.530.830.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2009	60.000.000	2.276.957.520	2.336.957.520
Tăng trong năm	12.000.000	455.391.500	467.391.500
Khấu hao trong năm	12.000.000	455.391.500	467.391.500
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2009	72.000.000	2.732.349.020	2.804.349.020
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2009	540.000.000	6.830.872.480	7.370.872.480
Tại 31/12/2009	4.351.000.000	6.375.480.980	10.726.480.980

Nguyên giá TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng lô đất với diện tích 2.222 m² tại xã Tiến Thành, thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước trong đó có 300m² đất thổ cư được sử dụng lâu dài và 1,922m² đất thuê trả tiền hàng năm; quyền sử dụng lô đất với diện tích 740 m² tại huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương có thời hạn sử dụng đất lâu dài.

Nguyên giá Bản quyền, Bằng sáng chế là Giá trị của Công nghệ sản xuất những sản phẩm test xét nghiệm nhanh được Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Mặt Trời chuyển giao lại cho Công ty như một phần vốn góp. Công nghệ này được Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Mặt Trời nhận chuyển giao từ Công ty Cali Biotech Inc trong năm 2006. TSCĐ vô hình này được Công ty tiến hành khấu hao trong 20 năm.

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tại ngày 1 tháng 1	195.578.352	140.890.494
Tăng	143.000.000	210.500.000
Phân bổ vào chi phí trong năm	101.060.000	155.812.142
Tại ngày 31 tháng 12	237.518.352	195.578.352
<i>Chi tiết chi phí trả trước dài hạn:</i>		
	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Chi phí thi công mặt dựng	74.518.352	119.238.352
Chi phí vé máy bay	-	46.340.000
Chi phí tư vấn niêm yết chứng khoán	20.000.000	30.000.000
Chi phí kiểm định vắc xin	143.000.000	-
Tổng	237.518.352	195.578.352

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

5.10 Phải trả người bán

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty TNHH SX TM Bao Bì Lĩnh Nam	17.787.035	14.476.000
Công Ty Bao Bì Sài Gòn	59.380.475	51.102.205
Công ty Cổ Phần Tin Học Hưng Phát	8.764.480	9.354.437
Công ty TNHH TM Gia Phát	7.216.000	7.216.000
Newsecen Coast - Pharmaceutica	113.637.374	18.930.871
Cty TNHH Chứng Khoán ACB	100.000.000	-
Biotech Atlantic, INC	12.738.000	-
Cty TNHH TM DV Thép Phúc Hà	36.034.000	-
Yan Hui	45.740.427	-
Viện Kiểm định Quốc Gia Vắc xin	143.000.000	-
Công ty TNHH Trang thiết bị Y Tế Mặt Trời	36.300.000	-
Phải trả người bán khác	3.540.969	69.200
Tổng	584.138.760	101.148.713

5.11 Người mua trả tiền trước

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty CP Thương Mại Thiên Vũ	81.589.316	-
Công ty TNHH TMDP Chánh Nam	25.707.809	-
Nguyễn Văn Cẩm	3.200.678	-
Công ty Cổ Phần TBYT Hải Minh	2.945.000	-
Bành Đức Dũng- Đại lý Campuchia	712	-
Tổng	113.443.515	-

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	22.945.646	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	160.595.314	103.301.537
Thuế thu nhập cá nhân	57.623.795	32.893.117
Tổng	241.164.755	136.194.654

5.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	22.679.114	-
Bảo hiểm y tế	6.923.107	2.993.017
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	30.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	48.899.867	1.428.000
Tổng	78.502.088	34.421.017

5.14 Vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2008	21.000.000.000	817.338.019	21.817.338.019
Tăng trong năm	-	1.098.472.075	1.098.472.075
Lãi		1.098.472.075	1.098.472.075
Giảm trong năm	-	500.000.000	500.000.000
Tạm chia cổ tức	-	500.000.000	500.000.000
Số dư tại 31/12/2008	21.000.000.000	1.415.810.094	22.415.810.094
Số dư tại 01/01/2009	21.000.000.000	1.415.810.094	22.415.810.094
Tăng trong năm	-	791.397.499	791.397.499
Lãi	-	791.397.499	791.397.499
Giảm trong năm	-	313.510.234	313.510.234
Chia cổ tức	-	313.510.234	313.510.234
Số dư tại 31/12/2009	21.000.000.000	1.893.697.359	22.893.697.359

Chi tiết Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	12/31/2009 VND	01/01/2009 VND
Công ty TNHH SX-TM Trang thiết bị Y tế Mặt Trời	3.928.800.000	3.928.800.000
Công ty CP Dược vật tư y tế Doparaco	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty Incomex Sài Gòn	1.500.000.000	1.500.000.000
Hoàng Oanh	1.100.000.000	1.100.000.000
Nguyễn Tiến Hưng	150.000.000	150.000.000
Lê Thị Thu Hà	530.000.000	530.000.000
106 cổ đông khác	11.991.200.000	11.991.200.000
Tổng	21.000.000.000	21.000.000.000

Cổ phiếu

	Năm 2009 Cổ phiếu	Năm 2008 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.100.000	2.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán	2.100.000	2.100.000
Cổ phiếu phổ thông	2.100.000	2.100.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.100.000	2.100.000
Cổ phiếu phổ thông	2.100.000	2.100.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/ cổ phiếu.

5.15 Doanh thu bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.100.000	670.704.987
Doanh thu bán thành phẩm	5.621.235.964	5.144.173.776
Tổng	5.623.335.964	5.814.878.763
5.16 Giá vốn hàng bán		
	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	546.200	557.654.210
Giá vốn bán thành phẩm	3.582.142.925	2.747.885.577
Tổng	3.582.689.125	3.305.539.787
5.17 Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	238.861.502	149.634.222
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	14.621.288
Tổng	238.861.502	164.255.510
5.18 Chi phí hoạt động tài chính		
	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.000.000	15.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	18.658.935
Tổng	5.000.000	33.658.935
5.19 Chi phí bán hàng		
	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	183.831.962	168.311.532
Chi phí khác bằng tiền	-	2.825.045
Tổng	183.831.962	171.136.577
5.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	608.460.648	540.474.631
Chi phí vật liệu quản lý	-	112.387.890
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.665.651	3.009.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	598.396.359	531.381.074
Chi phí khác bằng tiền	12.868.791	35.050.952
Tổng	1.223.391.449	1.222.303.691
5.21 Chi phí thuế thu nhập hiện hành		

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)		MÃU B 09-DN	
	Năm 2009	Năm 2008	
	VND	VND	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	867.284.930	1.246.795.279	
Các khoản điều chỉnh tăng			
<i>Thù lao của HĐQT không điều hành trực tiếp</i>	-	36.000.000	
Lợi nhuận tính thuế	867.284.930	1.282.795.279	
Thuế suất áp dụng	25%	25%	
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	216.821.233	320.698.820	
Thuế TNDN được miễn, giảm	108.410.616	160.349.410	
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	108.410.616	160.349.410	
Miễn giảm theo TT 03/2009/TT-BTC	32.523.185	12.026.206	
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	75.887.431	148.323.204	

5.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	791.397.499	1.098.472.075
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	791.397.499	1.098.472.075
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (VND)	2.100.000	2.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	377	523

5.23 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.416.948.463	1.763.799.747
Chi phí nhân công	1.861.931.429	1.677.295.895
Chi phí công cụ dụng cụ	-	20.683.025
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.097.099.249	972.528.338
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.123.103.270	824.512.944
Chi phí khác bằng tiền	14.382.918	206.101.449
Tổng	5.513.465.329	5.464.921.398

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		Lương	386.627.672	180.000.000
Ông Bach Mong Ha	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	-	29.184.536
Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	26.899.500	20.859.090

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Bán hàng		
Công ty Dược Vật tư y tế Dopharco	7.091.000	34.504.575
Tổng	7.091.000	34.504.575

Số dư với các bên liên quan

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH TTB Y Tế Mặt Trời	1.330.815.559	1.501.140.303
Công ty Dược Vật tư y tế Dopharco	19.000	9.565.500
Tổng	1.330.834.559	1.510.705.803

6.3 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán.

Người lập

Kế toán trưởng

Bình Phước, ngày 13 tháng 03 năm 2010

Giám đốc

Võ Thị Cẩm Phương

Phạm Việt Tấn

Bach Mong Ha